

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ SỬ DỤNG KINH PHÍ SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG NĂM 2024

DVT: đồng

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Kinh phí trước khi điều chỉnh	Điều chỉnh kinh phí		Kinh phí sau khi điều chỉnh
			Tăng	Giảm	
	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	12.140.050.000	1.469.550.000	(1.539.550.000)	12.070.050.000
I	Văn phòng sở	7.561.050.000	1.428.950.000	-	8.990.000.000
1	Quan trắc môi trường (nước mặt, nước biển ven bờ, nước dưới đất, không khí xung quanh, trầm tích); Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường vùng quan trắc tỉnh Khánh Hòa	7.371.050.000	1.428.950.000		8.800.000.000
2	Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các Doanh nghiệp năm 2024	190.000.000			190.000.000
II	Chi cục Bảo vệ Môi trường	3.011.500.000		(1.229.550.000)	1.781.950.000
1	Duy trì hoạt động hệ thống tiếp nhận số liệu quan trắc tự động trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	47.500.000			47.500.000
2	Kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các Doanh nghiệp năm 2024	332.500.000		(172.500.000)	160.000.000

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Kinh phí trước khi điều chỉnh	Điều chỉnh kinh phí		Kinh phí sau khi điều chỉnh
			Tăng	Giảm	
3	Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2024	218.500.000			218.500.000
4	Truyền thông môi trường năm 2024;	427.500.000			427.500.000
5	Thống kê, đánh giá các vùng đất ngập nước đặc thù của tỉnh Khánh Hòa	332.500.000			332.500.000
6	Xây dựng hồ sơ thiết lập Khu dự trữ sinh quyển Hòn Bà – Sông Cái (Kế hoạch hành động số 10283/KH-UBND ngày 25/10/2022 về việc thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa)	95.000.000			95.000.000
7	Xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh	475.000.000		(224.050.000)	250.950.000
8	Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Khánh Hòa (Khoản 3 Điều 14 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh)	475.000.000		(425.000.000)	50.000.000

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Kinh phí trước khi điều chỉnh	Điều chỉnh kinh phí		Kinh phí sau khi điều chỉnh
			Tăng	Giảm	
9	Chỉnh lý hồ sơ lưu trữ và xây dựng cơ sở dữ liệu hồ sơ môi trường giai đoạn 2004-2022	180.500.000		(180.500.000)	-
10	Kiểm soát các nguồn xả thải vào vịnh Nha Trang	427.500.000		(227.500.000)	200.000.000
III	Chi cục Biển đảo	190.000.000		-	190.000.000
1	Truyền thông môi trường năm 2024;	95.000.000			95.000.000
2	Điều tra, đánh giá hiện trạng và phân loại rác thải nhựa vùng ven biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (Quyết định số 362/ QĐ-UBND ngày 12/02/2020 UBND tỉnh về việc ban hành KH hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa)	95.000.000			95.000.000
IV	Trung tâm CNTT	190.000.000	-	-	190.000.000
	Bản tin môi trường	190.000.000			190.000.000
V	Trung tâm quan trắc	1.187.500.000	40.600.000	(310.000.000)	918.100.000
1	Vận hành trạm quan trắc tự động môi trường không khí Ninh An	760.000.000		(310.000.000)	450.000.000
2	Quan trắc hệ sinh thái rạn san hô và thảm cỏ biển	427.500.000	40.600.000		468.100.000